

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 10-CẦN THƠ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

số: 119/2026/DS-ST
Ngày 06 - 7 - 2026
V/v tranh chấp đòi lại
đất bị lấn chiếm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

-Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

-Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Duy Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10-Cần Thơ

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10-Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/7/2026 và ngày 06/7/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2025/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ranh đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2026/QĐXXST-DS ngày 03/3/2026, Quyết tạm ngừng phiên tòa số 155/2026/QĐST-DS ngày 07/4/2026 và Thông báo mở lại phiên tòa số 233/TB-TA ngày 17/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Ngọc T, sinh năm: 1977 và bà Trần Thị Mộng T1, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

- Bị đơn: Ông Dương Văn S, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1957 (vắng mặt). Cùng địa chỉ: ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Dương Văn S: Ông Dương Minh T2, sinh năm 2000. Địa chỉ thường trú: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên hệ: Số F, Tổ H, khu V, đường P, phường B, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lâm Ngọc T và bà Trần Thị Mộng T1 trình bày:

Nguyên vào năm 2023, vợ chồng ông Lâm Ngọc T và bà Trần Thị Mộng T1 có nhận chuyển nhượng của bà Đào Thị Bích N, phần đất có diện tích 434,6 m² với giá 590.000.000 đồng đất thuộc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nay là ấp P, xã

N, thành phố Cần Thơ. Và phần đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh S cấp GCNQSDĐ ĐO 971205 ngày 28/3/2024, cấp cho ông Lâm Ngọc T và bà Trần Thị Mộng T1 có diện tích 434,6 m² đất thuộc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nay là ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ.

Vào tháng 4/2025, ông Lâm Ngọc T và bà Trần Thị Mộng T1 chuẩn bị kéo lưới B40 để kềm hàng rào thì phát hiện phần đất của ông bà bị ông Dương Văn S và bà Nguyễn Thị G đã lấn chiếm đất của ông, bà có diện tích khoảng 48,45m².

Nay ông Lâm Ngọc T và bà Trần Thị Mộng T1 yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Dương Văn S và bà Nguyễn Thị G phải có trách nhiệm giao trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích khoảng 48,45m², thuộc thửa đất số 1318, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ), phần đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh S cấp GCNQSDĐ ĐO 971205, cấp ngày 28/03/2024; cấp cho ông Lâm Ngọc T và bà Trần Thị Mộng T1, diện tích lấn chiếm có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp với đường huyện B, ông S và bà G lấn vào đất của ông T và bà T1 chiều ngang khoảng 1,5 mét.
- Hướng Tây giáp với thửa đất 1506, ông S và bà G lấn vào đất của ông T và bà T1 chiều ngang khoảng 1,5 mét.
- Hướng Nam giáp với phần còn lại của thửa đất 1318, ông S và bà G lấn vào đất của ông T và bà T1 chiều dài khoảng 32,3 mét.
- Hướng Bắc giáp với thửa 1522, ông S và bà G lấn vào đất của ông T và bà T1 chiều dài khoảng 32,3 mét.

Diện tích: 48, 45m².

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Dương Văn S : Ông Dương Minh T2 trình bày ý kiến :

Qua yêu cầu của phía nguyên đơn thì ông không đồng ý, vì từ trước đến nay phía bị đơn vẫn sử dụng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có lấn chiếm đất đối với bị đơn, do khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn chưa đo đạc cụ thể với các hộ giáp ranh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã nêu trên, nên không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-C phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Ngọc T và bà Trần Thị Mộng T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn bà **Nguyễn Thị G**, mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ để xử xử lần 2, nhưng bà **G** vẫn vắng mặt không có lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **G** theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm theo kết quả thẩm định là 45,5m². Xét thấy, yêu cầu nguyên đơn là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và không trái pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Khi thụ lý, Tòa án nhân dân khu vực 10-Cần Thơ, xác định bà **Đào Thị Bích N** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trên. Tại phiên tòa, xét thấy bà **N** đã chuyển nhượng cho ông **T**, bà **T1** diện tích đất 434,6m² vào năm 2023, hiện nay ông **T** bà **T1** được **văn phòng đăng ký đất đai tỉnh S** (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2024. Đồng thời, giữa ông **T**, bà **T1** và bà **N** không xảy ra tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa bà **Đào Thị Bích N** vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và yêu cầu của đương sự:

[1] Nguyên đơn ông **Lâm Ngọc T** và bà **Trần Thị Mộng T1** yêu cầu bị đơn ông **Dương Văn S** và bà **Nguyễn Thị G** trả lại phần đất đã lấn chiếm 45,5m², thuộc thửa đất số 1318, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại **ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ)**. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm*” là đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[2] Vào năm 2023, vợ chồng ông **Lâm Ngọc T** và bà **Trần Thị Mộng T1** có nhận chuyển nhượng của bà **Đào Thị Bích N**, phần đất có diện tích 434,6 m² với giá 590.000.000 đồng đất thuộc **ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nay là ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ**. Phần đất này đã được **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh S** cấp GCNQSDĐ ĐO 971205 ngày 28/3/2024, cấp cho ông **Lâm Ngọc T** và bà **Trần Thị Mộng T1** có diện tích 434,6 m² đất thuộc **ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nay là ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ**.

Vào tháng 4/2025, ông **Lâm Ngọc T** và bà **Trần Thị Mộng T1** chuẩn bị kéo lưới B40 để kàm hàng rào thì phát hiện phần đất của ông bà bị ông **Dương Văn S** và bà **Nguyễn Thị G** đã lấn chiếm đất của ông, bà có diện tích khoảng 48,45m², nên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lâm Ngọc T** và bà **Trần Thị Mộng T1**, buộc bị đơn ông **Dương Văn S** và bà **Nguyễn Thị G** phải có trách nhiệm giao trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích khoảng 45,5m², thuộc thửa đất số 1318, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại **ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ)**, phần đất này đã được **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh S** cấp GCNQSD DO 971205, cấp ngày 28/3/2024, thì thấy rằng:

[4] Theo kết quả đo đạc thực tế tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/12/2025 xác định, thửa đất số 1318, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại **ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ)** có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp với đường **huyện B**, có số đo 13,11m + 1,42m
- Hướng Tây giáp với **võ Văn L** có số đo 11,25m + 1,50m
- Hướng Nam giáp với **Võ Văn L** có số đo 30.64m
- Hướng Bắc giáp với thửa 1522, ông **S** và bà **G** có số đo 31,38m

Tổng diện tích thửa đất số 1318, tờ bản đồ số 3 của ông **Lâm Ngọc T** và bà **Trần Thị Mộng T1** là 421,8m² (bao gồm 376,3m² và 45,5m²).

Do bị đơn không chỉ chính xác được ranh giới thửa đất, nên thửa 1522 xác định tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp **đường H**
- Hướng Tây giáp kênh thủy lợi và thửa 199 (**Lê Văn B**).
- Hướng Nam giáp **Lâm Ngọc T** (thửa 1318) có số đo 31,32; giáp **Võ Văn L** (thửa 1506).
- Hướng Bắc giáp **Dương Minh P** (thửa 1521)

* Phần tranh chấp:

- Hướng Đông giáp với đường **huyện B**, có số đo 1,42m
 - Hướng Tây giáp với **võ Văn L** có số đo 1,50m
 - Hướng Nam giáp với **Lâm Ngọc T** thửa (1318) có số đo 31.32m
 - Hướng Bắc giáp **Dương Văn S, Nguyễn Thị G** (thửa 1522), có số đo 31,38m
- Diện tích: 45,5m².

Trên phần đất có các cây trồng do phía bị đơn trồng gồm: 03 cây dái ngựa (04 năm tuổi), 01 cây gừa (04 năm tuổi), Dừa nước 50 tàu.

[5] Tại Công văn số 6940/SNNMT -VPĐKĐĐ ngày 08/6/2026, của **Sở Nông Nghiệp và Môi trường thành phố C** cung cấp như sau:

- Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCN) có số phát hành: DO 971205 do **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh S** ký ngày 28/3/2024 cấp cho ông **Lâm Ngọc T** và bà **Trần Thị Mộng T1**, đất tọa lạc tại **ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã N, thành phố C)** được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. GCN được cấp do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà **Đào Thị Bích N** theo GCN có số phát hành CX 767478 trên cơ sở trích lục bản đồ địa chính của thửa đất đã được cấp GCN không

thực hiện đo đạc lại thực tế tại thời điểm thực hiện hồ sơ.

- Việc cấp GCN có số phát hành: CX 893377 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S ký ngày 09/11/2022 cấp cho ông Dương Văn S và bà Nguyễn Thị G, đất tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã N, thành phố C) được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 84 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. GCN được cấp do thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất của hộ gia đình theo GCN có số phát hành DG 429351 trên cơ sở trích lục bản đồ địa chính của thửa đất đã được cấp GCN, không thực hiện đo đạc lại thực tế tại thời điểm thực hiện hồ sơ.

- Cả 02 (hai) thửa đất nêu trên chưa có biến động chủ sử dụng đất.

[6] Qua đối chiếu diện tích thửa đất số 1318, tờ bản đồ số 3 của ông Lâm Ngọc T và bà Trần Thị Mộng T1 là 421,8m² (bao gồm 376,3m² và 45,5m²). Về phía bị đơn ông Dương Văn S và bà Nguyễn Thị G ngày 11/12/2025 có tham gia xem xét thẩm định tại chỗ nhưng không chỉ được chính xác ranh giới thửa đất số 1522, tờ bản đồ số 3 và thửa đất số 1318, tờ bản đồ số 3. Như vậy phần đất theo đo đạc thẩm định tại chỗ của ông T và bà T1 có diện tích là 421,8m² (bao gồm 376,3m² và 45,5m²) kể cả phần đang tranh chấp với ông S và bà G là ít hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp có diện tích 434,6 m² (ít hơn 12,8m²).

[7] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Ngọc T và bà Trần Thị Mộng T1 là có cơ sở chấp nhận. Nên cần buộc bị đơn ông Dương Văn S và bà Nguyễn Thị G, trả cho nguyên đơn diện tích lấn chiếm là 45,5m² thuộc thửa đất số 1318, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ) là có cơ sở chấp nhận. Cụ thể:

- Hướng Đông giáp với đường huyện B, có số đo 1,42m
 - Hướng Tây giáp với võ Văn L có số đo 1,50m
 - Hướng Nam giáp với Lâm Ngọc T thửa (1318) có số đo 31,32m
 - Hướng Bắc giáp với thửa 1522, ông S và bà G có số đo 31,38m
- Diện tích: 45,5m².

Trên phần đất có các cây trồng do phía bị đơn trồng gồm: 03 cây dái ngựa (04 năm tuổi), 01 cây gừa (04 năm tuổi), Dừa nước 50 tàu.

[8] Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với kết quả định giá tài sản ngày 06/3/2026, cây trồng của bị đơn trồng trên phần đất tranh chấp có giá là 725.000.000 đồng, bị đơn đồng ý trả giá trị cây trồng nêu trên cho bị đơn. Nên cần buộc nguyên đơn trả cho bị đơn giá trị cây trồng là 725.000.000 đồng. Nguyên đơn ông Lâm Ngọc T và bà Trần Thị Mộng T1 được sở hữu tài sản gắn liền với đất là 03 cây dái ngựa (04 năm tuổi), 01 cây gừa (04 năm tuổi), Dừa nước 50 tàu.

[9] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Cần Thơ là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Dương Văn S và bà Nguyễn Thị G không phải chịu án phí (là người cáo tuổi), do thuộc trường hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 24.350.000 đồng theo phiếu thu số T24 ngày 21/10/2025 và phiếu thu T41 ngày 28/11/2025, của Tòa án và đã chi phí cho việc này là 19.800.000 đồng. Do đó bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này. Trả lại cho nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng là 4.550.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 164; Điều 166; Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lâm Ngọc T** và bà **Trần Thị Mộng T1**. Buộc bị đơn ông **Dương Văn S** và bà **Nguyễn Thị G** phải trả lại phần đất lấn chiếm cho nguyên đơn có diện tích 45,5m², thuộc thửa số 1318, tờ bản đồ số 3 trên tổng diện tích 421,8m², đất tọa lạc **ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ**, do **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh S** cấp ngày 28/3/2024, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp với đường **huyện B**, có số đo 1,42m
 - Hướng Tây giáp với **võ Văn L** có số đo 1,50m
 - Hướng Nam giáp với **Lâm Ngọc T** thửa (1318) có số đo 31,32m
 - Hướng Bắc giáp với thửa 1522, ông **S** và bà **G** có số đo 31,38m
- Diện tích: 45,5m² (có sơ đồ kèm theo).

Trên phần đất có các cây trồng do phía bị đơn trồng gồm: 03 cây dái ngựa (04 năm tuổi), 01 cây gừa (04 năm tuổi), Dừa nước 50 tàu.

Buộc nguyên đơn trả cho bị đơn giá trị cây trồng là 725.000.000 đồng. Nguyên đơn ông **Lâm Ngọc T** và bà **Trần Thị Mộng T1** được sở hữu tài sản gắn liền với đất là 03 cây dái ngựa (04 năm tuổi), 01 cây gừa (04 năm tuổi), Dừa nước 50 tàu.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 24.350.000 đồng theo phiếu thu số T24 ngày 21/10/2025 và phiếu thu T41 ngày 28/11/2025, của Tòa án và đã chi phí cho việc này là 19.800.000 đồng. Do đó bị

đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 19.800.000 đồng. Trả lại cho nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng là 4.550.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí, do thuộc trường hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005899 ngày 15/10/2025 của thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự; **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 10-Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Nhân